

CÔNG VĂN BẢN

Số: ~~194~~ **380** /QĐ-TTg

Ngày **16** tháng **4** năm **2008**.

Kính chuyển:.....

Hà Nội, ngày **10** tháng **4** năm **2008**

QUYẾT ĐỊNH

Chính sách thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH :

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Tạo cơ sở cho việc xây dựng khung pháp lý về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng áp dụng trên phạm vi cả nước theo hướng xác định rõ lợi ích, quyền hạn và nghĩa vụ của các đối tượng được chi trả và phải chi trả dịch vụ môi trường rừng (sau đây viết tắt là dịch vụ MTR), thực hiện xã hội hoá nghề rừng, từng bước tạo lập cơ sở kinh tế bền vững cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái, nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ, đặc biệt là bảo đảm nguồn nước cho sản xuất điện, nước và các hoạt động kinh doanh du lịch.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định loại dịch vụ; mức nộp tiền sử dụng dịch vụ; chế độ quản lý và sử dụng tiền thu được từ dịch vụ MTR; quyền hạn, nghĩa vụ của các đối tượng được chi trả và phải chi trả dịch vụ MTR; trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ MTR.

2. Thời gian áp dụng chính sách thí điểm chi trả dịch vụ MTR là hai năm, kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành. Chính sách chi trả dịch vụ MTR được áp dụng thí điểm trên địa bàn các tỉnh Lâm Đồng, Sơn La, Đồng Nai, Hòa Bình, Bình Thuận, Ninh Thuận và Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức sử dụng và phải chi trả dịch vụ MTR trong quyết định này, gồm:

a) Nhà máy thủy điện Đại Ninh thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, tại tỉnh Bình Thuận.

b) Nhà máy thủy điện Đa Nhim thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, tại tỉnh Ninh Thuận.

c) Nhà máy thủy điện Hoà Bình thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, tại tỉnh Hoà Bình.

d) Các nhà máy thủy điện dọc Suối Sập thuộc tỉnh Sơn La.

đ) Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn (SAWACO) thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

e) Công ty xây dựng cấp nước Đồng Nai thuộc tỉnh Đồng Nai.

g) Chi nhánh cấp nước huyện Phù Yên và Mộc Châu thuộc Công ty cấp nước Sơn La, tỉnh Sơn La.

h) Tổ chức, cá nhân kinh doanh các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch trên địa bàn các khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ thuộc phạm vi hành chính của 2 tỉnh Lâm Đồng và Sơn La.

2. Toàn bộ chủ rừng nằm ở vùng đầu nguồn lưu vực sông Đồng Nai, Sông Đà trong phạm vi hành chính của tỉnh Lâm Đồng và Sơn La.

3. Cơ quan nhà nước có liên quan đến việc thu, nộp quản lý và sử dụng tiền thu được từ chi trả dịch vụ MTR có trụ sở trên địa bàn các tỉnh Lâm Đồng, Sơn La, Đồng Nai, Ninh Thuận, Bình Thuận, Hoà Bình và thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ MTR là việc cung ứng và sử dụng bền vững các giá trị sử dụng của môi trường rừng (điều tiết nguồn nước, bảo vệ đất, chống bồi lắng lòng hồ, ngăn chặn lũ lụt, lũ quét, cảnh quan, đa dạng sinh học...).

2. Các chủ rừng theo quy định tại Quyết định này gồm: các chủ rừng được quy định trong Luật Bảo vệ và phát triển rừng; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản trực tiếp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản được đại diện các chủ rừng của Nhà nước giao khoán bảo vệ rừng ổn định, lâu dài.

Các chủ rừng được áp dụng chính sách thí điểm chi trả dịch vụ MTR theo Quyết định này gồm:

- a) Ban Quản lý rừng phòng hộ, Ban Quản lý rừng đặc dụng.
- b) Tổ chức kinh tế.
- c) Hộ gia đình, cá nhân trong nước.
- d) Cộng đồng dân cư thôn, bản.

3. Chi trả dịch vụ MTR là quan hệ kinh tế giữa người sử dụng các dịch vụ MTR trả tiền cho người cung ứng dịch vụ MTR theo quy định tại Quyết định này.

4. Mức chi trả dịch vụ MTR (đơn giá dịch vụ) là số tiền mà người sử dụng các dịch vụ MTR phải trả cho người cung ứng dịch vụ MTR tính trên một đơn vị sử dụng dịch vụ MTR hoặc trên một đơn vị sản phẩm tương ứng theo quy định của Nhà nước hoặc theo thoả thuận của hai bên.

5. Phí tham quan trong Quyết định này là số tiền người đi du lịch phải trả cho các Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ và các chủ rừng khác.

Điều 5. Loại dịch vụ MTR

Loại dịch vụ MTR được sử dụng trong chính sách thí điểm này, gồm:

- 1. Dịch vụ về điều tiết và cung ứng nguồn nước;
- 2. Dịch vụ về bảo vệ đất, hạn chế xói mòn, chống bồi lắng lòng hồ;
- 3. Dịch vụ về du lịch.

Điều 6. Hình thức chi trả dịch vụ MTR

1. Chi trả dịch vụ MTR trực tiếp: là việc người sử dụng dịch vụ MTR (người phải chi trả) trả tiền trực tiếp cho người cung ứng dịch vụ MTR (người được chi trả);

2. Chi trả dịch vụ MTR gián tiếp: là việc người sử dụng dịch vụ MTR chi trả gián tiếp cho người cung ứng dịch vụ MTR thông qua một tổ chức và thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 Quyết định này.

Điều 7. Nguyên tắc chi trả dịch vụ MTR

1. Việc chi trả tiền dịch vụ MTR trực tiếp do người được chi trả và người phải chi trả thực hiện trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận theo nguyên tắc thị trường.

2. Mức chi trả tiền sử dụng dịch vụ MTR gián tiếp do Nhà nước quy định được công bố công khai và điều chỉnh khi cần thiết.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ MTR phải chi trả tiền sử dụng dịch vụ MTR cho người được chi trả dịch vụ MTR và không thay thế thuế tài nguyên nước hoặc các khoản phải nộp khác theo quy định của pháp luật.

4. Đối với tổ chức kinh doanh, tiền chi trả cho việc sử dụng dịch vụ MTR được tính vào giá thành sản phẩm của bên sử dụng dịch vụ MTR.

Chương II

XÁC ĐỊNH MỨC CHI TRẢ TIỀN SỬ DỤNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Điều 8. Mức chi trả tiền sử dụng dịch vụ MTR

1. Các cơ sở sản xuất thủy điện

Mức chi trả dịch vụ MTR áp dụng đối với các cơ sở sản xuất thủy điện thuộc đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 3 quyết định này trong thời gian thí điểm là 20 đồng/1kwh điện thương phẩm.

2. Các cơ sở sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt

Mức chi trả dịch vụ MTR áp dụng đối với các cơ sở sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt thuộc đối tượng được quy định tại các điểm đ, e và g khoản 1 Điều 3 quyết định này trong thời gian thí điểm là 40 đ/m³ nước thương phẩm.

3. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 quyết định này, định mức chi trả tiền sử dụng dịch vụ MTR được xác định bằng 0,5 - 2 % tính trên doanh thu du lịch thực hiện trong kỳ.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Sơn La xem xét, quy định cụ thể tỷ lệ % trên doanh thu du lịch phải chi trả đối với từng cơ sở kinh doanh du lịch.

4. Thu phí tham quan rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

a) Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng (sau đây gọi chung là Ban quản lý rừng) được thu phí tham quan của khách du lịch.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Sơn La phê duyệt và điều chỉnh phí tham quan trong từng thời gian thích hợp theo thẩm quyền.

Điều 9. Xác định số tiền chi trả dịch vụ MTR

1. Trường hợp chi trả trực tiếp: số tiền người phải chi trả dịch vụ MTR thanh toán trực tiếp cho người được chi trả dịch vụ MTR, trên cơ sở hợp đồng hoặc hai bên thỏa thuận.

2. Trường hợp chi trả gián tiếp:

a) Đối với cơ sở sản xuất thủy điện:

Số tiền sử dụng dịch vụ MTR phải chi trả trong kỳ hạn thanh toán (đ) bằng sản lượng điện thương phẩm trong kỳ hạn thanh toán (kwh) nhân với mức chi trả dịch vụ MTR tính trên 1 kwh (20đ/kwh).

b) Đối với cơ sở sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt:

Số tiền sử dụng dịch vụ MTR phải chi trả trong kỳ hạn thanh toán (đ) bằng sản lượng nước thương phẩm trong kỳ hạn thanh toán (m^3) nhân với mức chi trả dịch vụ MTR tính trên $1m^3$ nước thương phẩm (40 đ/ $1m^3$).

3. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch.

Số tiền chi trả cho dịch vụ du lịch được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) tính trên doanh thu du lịch (bao gồm thuế giá trị gia tăng) thực hiện trong kỳ của các cơ sở kinh doanh du lịch theo khoản 3 Điều 8 Quyết định này.

4. Kỳ thanh toán đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 và 3 Điều này là năm, quý.

Chương III **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ** **MÔI TRƯỜNG RỪNG**

Điều 10. Tổ chức chi trả tiền sử dụng dịch vụ

1. Đối với trường hợp chi trả trực tiếp

Người được chi trả dịch vụ MTR tự tổ chức việc thu tiền sử dụng dịch vụ MTR đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ MTR thông qua hợp đồng hoặc thông qua phí tham quan.

2. Đối với trường hợp chi trả gián tiếp

a) Đối với tổ chức, cá nhân phải chi trả dịch vụ MTR có nghĩa vụ tự kê khai và nộp số tiền phải chi trả vào nơi đăng ký tài khoản, để chuyển cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Sơn La. Đối với các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Sơn La, là đối tượng phải chi trả dịch vụ MTR, có trách nhiệm kê khai và nộp tiền chi trả dịch vụ MTR cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của địa phương để Quỹ có trách nhiệm thanh toán trực tiếp tiền cho người được chi trả.

b) Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La mở tài khoản riêng về tiền chi trả dịch vụ MTR tại nơi đăng ký tài khoản của địa phương.

c) Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La được sử dụng tiền chi trả dịch vụ MTR theo diện tích rừng ở vùng đầu nguồn của tỉnh trong lưu vực sông Đồng Nai và sông Đà do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

d) Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La có trách nhiệm thanh toán trực tiếp tiền cho người được chi trả theo quy định tại Điều 13 Quyết định này.

Điều 11. Sử dụng tiền chi trả dịch vụ MTR

1. Đối với trường hợp chi trả trực tiếp:

Tiền thu được từ chi trả các dịch vụ MTR, sau khi thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật, người được chi trả có toàn quyền quyết định việc sử dụng số tiền này để đầu tư vào việc bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao chất lượng các dịch vụ MTR và cải thiện đời sống.

2. Đối với trường hợp chi trả gián tiếp:

Tiền thu được từ chi trả dịch vụ MTR được sử dụng như sau:

- 10% chi cho các hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng.
- 90% chi cho các hoạt động của Người được chi trả dịch vụ MTR.

Nếu Người được chi trả dịch vụ MTR là các tổ chức nhà nước, được sử dụng 10% để chi phí quản lý, 80% để trả tiền công khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn bản.

Điều 12. Đối tượng được chi trả tiền dịch vụ MTR

1. Chủ rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 quyết định này.

2. Danh sách từng loại chủ rừng cụ thể là các tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định.

3. Danh sách các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản do Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp thuộc huyện.

Điều 13. Xác định mức tiền chi trả cho người được chi trả dịch vụ MTR

1. Căn cứ xác định mức chi trả

a) Tổng số tiền chi trả dịch vụ MTR thu được từ các đối tượng phải chi trả quy định tại Điều 9 Quyết định này (đ);

b) Tổng diện tích rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) trên lưu vực tại thời điểm được cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận làm căn cứ để chi trả dịch vụ MTR (ha).

c) Diện tích rừng, hiện trạng, nguồn gốc và chất lượng rừng tại thời điểm được cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận làm căn cứ để chi trả dịch vụ MTR (ha).

2. Xác định số tiền được chi trả cho chủ rừng

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền chi} \\ \text{trả cho người} \\ \text{được chi trả} \\ \text{dịch vụ MTR} \\ \text{trong năm (đ)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{chi trả bình} \\ \text{quân cho 1} \\ \text{ha rừng} \\ \text{(đ/ha)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Diện tích rừng do} \\ \text{người được chi trả} \\ \text{dịch vụ MTR} \\ \text{quản lý, sử dụng} \\ \text{(ha)} \end{array} \times \text{Hệ số K}$$

Trong đó:

a) Định mức chi trả bình quân cho 1 ha rừng (đ/ha): được xác định bằng tổng số tiền thu được từ các đối tượng phải chi trả dịch vụ MTR (sau khi đã trừ chi phí quản lý hợp lý theo quy định tại Điều 11 Quyết định này) chia cho tổng diện tích rừng trên lưu vực tại thời điểm được cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận làm căn cứ để chi trả dịch vụ MTR (ha).

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Sơn La quy định diện tích rừng trong lưu vực thực hiện chính sách thí điểm này.

b) Diện tích rừng do người được chi trả dịch vụ MTR quản lý, sử dụng: là diện tích được giao, được thuê, được nhận khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài tính tại thời điểm kê khai thanh toán.

c) Hệ số K: phụ thuộc vào loại rừng (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất); tình trạng rừng (rừng giàu, trung bình, rừng nghèo, rừng phục hồi), nguồn gốc hình thành rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng) do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Sơn La quyết định cụ thể trên cơ sở kết quả nghiệm thu rừng được cơ quan có trách nhiệm nghiệm thu xác nhận.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Sơn La trong việc chi trả dịch vụ MTR cho chủ rừng

1. Nhiệm vụ

a) Thay mặt các đối tượng được chi trả dịch vụ MTR, lập dự toán và quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ MTR, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính;

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dịch vụ MTR;

c) Trực tiếp thực hiện việc trả tiền cho các đối tượng được chi trả dịch vụ MTR.

- Trong trường hợp người được chi trả dịch vụ MTR có hợp đồng khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài, việc thanh toán tiền sẽ căn cứ vào kết quả nghiệm thu hợp đồng khoán.

- Trường hợp người được chi trả dịch vụ MTR là người nhận khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài có giấy uỷ quyền cho chủ rừng (là các Ban quản lý rừng, các đơn vị quản lý rừng đại diện cho sở hữu rừng của Nhà nước) thì Quỹ bảo vệ và phát triển rừng thanh toán tiền cho chủ rừng để chuyển trả cho người được chi trả dịch vụ MTR.

2. Quyền hạn:

Có quyền giảm trừ mức chi trả hoặc từ chối chi trả cho những trường hợp không đảm bảo tiêu chuẩn về số lượng và chất lượng dịch vụ MTR theo hợp đồng khoán. Trong trường hợp không có hợp đồng khoán thì thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương IV

**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CHI TRẢ
VÀ NGƯỜI PHẢI CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**

Điều 15. Nghĩa vụ, quyền hạn của người phải chi trả dịch vụ MTR

1. Nghĩa vụ

a) Trả tiền sử dụng dịch vụ MTR đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng cho chủ rừng (trong trường hợp chi trả trực tiếp) hoặc nộp tiền cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (trong trường hợp chi trả gián tiếp).

b) Phải bồi thường thiệt hại cho các chủ rừng trực tiếp hoặc thông qua Quỹ bảo vệ và phát triển rừng nếu vi phạm hợp đồng hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Quyền hạn:

Được đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thông qua Quỹ bảo vệ và phát triển rừng xem xét việc điều chỉnh chi trả tiền sử dụng dịch vụ MTR trong trường hợp chất lượng dịch vụ MTR không bảo đảm.

Điều 16. Nghĩa vụ, quyền hạn của người được chi trả dịch vụ MTR

1. Nghĩa vụ

a) Phải đảm bảo rừng được bảo vệ về số lượng và chất lượng, phát triển rừng theo quy hoạch và kế hoạch.

Trong trường hợp gặp phải yếu tố khách quan có nguy cơ ảnh hưởng đến việc cung ứng dịch vụ MTR, chủ rừng phải thông báo cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng và cơ quan chính quyền cấp huyện biết để chủ động có biện pháp phòng, chống thích hợp.

b) Phải sử dụng số tiền được chi trả theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 11 quyết định này.

c) Đối với chủ rừng có rừng trồng được hỗ trợ chi trả dịch vụ MTR, sau khi khai thác rừng trồng, trong vòng 12 tháng, phải tự tổ chức trồng lại rừng theo quy định của pháp luật.

d) Không được phá rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng trái phép.

2. Quyền hạn

Được yêu cầu người sử dụng dịch vụ MTR theo hợp đồng (nếu chi trả trực tiếp) hoặc Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trả tiền sử dụng dịch vụ MTR theo quy định của Quyết định này (nếu chi trả gián tiếp).

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương và các Bộ, ngành liên quan:

a) Tổ chức nghiên cứu cơ sở khoa học và kinh nghiệm quốc tế của việc xây dựng chính sách chi trả dịch vụ MTR.

b) Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai chính sách thí điểm, xây dựng các đề án, dự án thuộc nội dung chính sách thí điểm theo quy định tại Khoản 1, Điều 18, Quyết định này.

c) Sau hai năm thực hiện thí điểm, kể từ ngày quyết định này có hiệu lực, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương thực hiện thí điểm tiến hành tổng kết, bổ sung hoàn thiện chính sách chi trả dịch vụ MTR, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách áp dụng chung trên phạm vi cả nước.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông:

Tuyên truyền, quán triệt để nâng cao nhận thức của nhân dân về ý nghĩa thiết thực và tầm quan trọng đối với trách nhiệm của người dân trong việc đóng góp tiền và công sức bảo vệ môi trường sống của cộng đồng để thực hiện chính sách chi trả dịch vụ MTR.

3. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quản lý nhà nước của mình, các Bộ, ngành chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trong việc thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách thí điểm chi trả dịch vụ MTR.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Sơn La

a) Tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách thí điểm và xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ MTR trong quý II/2008.

b) Xác định các địa bàn cụ thể thực hiện chính sách thí điểm.

c) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính xây dựng trình thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án, dự án sau đây:

- Giao đất, giao rừng.
- Khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài.
- Xác định giá trị dịch vụ MTR.
- Cơ chế quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ MTR.
- Điều tra phân loại thống kê các đối tượng được chi trả và phải chi trả dịch vụ MTR trong vùng thí điểm.

d) Thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh theo Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 1 năm 2008 của Chính phủ.

đ) Tổng kết việc thực hiện chính sách thí điểm về chi trả dịch vụ MTR trên địa bàn.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh Đồng Nai, Ninh Thuận, Bình Thuận, Hòa Bình và Thành phố Hồ Chí Minh.

a) Tuyên truyền, quán triệt để nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ MTR.

b) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện nộp tiền sử dụng dịch vụ MTR của các doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trong vùng thực hiện chính sách thí điểm:

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt và thực hiện chính sách thí điểm về chi trả dịch vụ MTR theo nội dung Quyết định này đối với những đối tượng trực tiếp thực hiện chính sách thí điểm.

2. Xác định danh sách các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản thuộc đối tượng được chi trả dịch vụ MTR.

3. Tham gia giám sát thực hiện chính sách thí điểm chi trả dịch vụ MTR trên địa bàn theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 20. Trách nhiệm của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản:

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, bản thuộc diện áp dụng chính sách thí điểm chi trả dịch vụ MTR có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của mình và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực hiện chính sách thí điểm chi trả dịch vụ MTR theo quy định tại Quyết định này.

Điều 21. Chế độ báo cáo.

Định kỳ 6 tháng, các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh Lâm Đồng, Sơn La báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của mình trong phạm vi được phân công về thực hiện chính sách thí điểm chi trả dịch vụ MTR để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 22. Kinh phí thực hiện chính sách thí điểm:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối hỗ trợ kinh phí cho việc xây dựng các dự án, đề án quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Quyết định này.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan động viên sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm của các nước, các tổ chức quốc tế (Winrock, Chương trình bảo tồn đa dạng sinh học Vùng Châu Á (ARBCP), GTZ...), cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện chính sách thí điểm chi trả dịch vụ MTR, đồng thời lập dự toán kinh phí cho các dự án, đề án hoạt động của Bộ, tổng hợp với các dự toán kinh phí cho các dự án, đề án hoạt động thí điểm của tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Sơn La trong việc thực hiện các nội dung Quyết định này trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Sơn La lập kế hoạch và dự toán kinh phí cho việc lập các dự án, đề án và các hoạt động khác để thực hiện chính sách thí điểm trên địa bàn tỉnh, báo cáo Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp chung trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trong thời gian chưa trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nguồn kinh phí cho chương trình thí điểm thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Sơn La được tạm ứng kinh phí từ ngân sách của Bộ và của địa phương để chi cho các nội dung xây dựng các dự án, đề án và các hoạt động chỉ đạo thí điểm, sau đó sẽ hoàn ứng từ nguồn kinh phí được phê duyệt.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 24. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lâm đồng, Sơn La, Đồng Nai, Ninh Thuận, Bình Thuận, Hoà Bình và Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, NN&PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, VH,TT và Du lịch, Tư pháp;
- HĐND, UBND các tỉnh: Lâm đồng, Sơn La, Đồng Nai, Ninh Thuận, Bình Thuận, Hoà Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NN (6b). A. 115

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải